# THỜI KHÓA BIỂU LẦN 3 NĂM HỌC 2016-2017 ÁP DỤNG NGÀY 17/10/2016

| Thứ | Buổi | Tiết | 10A1 | 10A2 | 10A3 | 10A4 | 10A5 | 10C1 | 10C2 | 10D | 10P | 11A1 | 11A2 | 11A3 | 11A4 | 11A5 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | S | 1 | Chào cờ-Tú | Chào cờ-Khải | Chào cờ-Thủy | Chào cờ-Phượng | Chào cờ-Thúy | Chào cờ-T.Quỳnh | Chào cờ-Trinh | Chào cờ-Hường | Chào cờ-Lan | Chào cờ-Chi | Chào cờ-Linh | Chào cờ-N.Quỳnh | Chào cờ-Phú | Chào cờ-Ái |
| | | 2 | Toán chuyên 1-Quyên | Công nghệ-Mai | Địa Lí-Thúy | Toán-Tâm | Vật lý-Văn | Hóa học-Phượng | Toán-Ngọc | Sinh học-Hoài | Pháp chuyên 3-Hảo | Tin học-Hà | Sinh học-Thảo | Lý chuyên 2-Nhẫn | Ngữ văn-H.Hạnh | Toán-Kiệt |
| | | 3 | Toán chuyên 1-Quyên | Hóa học-Oanh | Sinh học-Hoài | Toán-Tâm | Toán-Tùng | Công nghệ-Mai | Toán-Ngọc | Tin học-Hà | Pháp chuyên 3-Hảo | Sinh học-Chi | Công nghệ-Thái | Lý chuyên 2-Nhẫn | Sinh học-Thảo | Hóa học-Huy |
| | | 4 | GDCD-Trí | Tiếng Anh-Sương | Lý chuyên-Cớm | Ngữ văn-H.Hạnh | Toán-Tùng | Tiếng Anh-Ly | Hóa học-Huy | Tin học-Hà | Toán-Quyên | Ngữ văn-P.Hà | Toán-Điểm | Công nghệ-Thái | Sinh học-Thảo | Tiếng Anh-Nhung |
| | | 5 | Hóa học-Huy | Tiếng Anh-Sương | Lý chuyên-Cớm | Ngữ văn-H.Hạnh | Công nghệ-Mai | Tiếng Anh-Ly | Lịch Sử-Thủy | Tiếng Anh-Hường | Toán-Quyên | Ngữ văn-P.Hà | Toán-Điểm | Sinh học-Thảo | Công nghệ-Thái | Tiếng Anh-Nhung |
| | C | 1 | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 2 | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 4 | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 5 | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | S | 1 | Tiếng Anh-An | Thể dục-Vân | Lịch Sử-Thủy | Hóa chuyên-Phượng-Nguyên-Linh | Địa Lí-Thúy | Vật lý-Phúc | Thể dục-Quyên | Sinh học-Hoài | Công nghệ-Lý | Hóa học-Yến | Ngữ văn-H.Hạnh | Thể dục-Thal | Tin học-Hà | Toán-Kiệt |
| | | 2 | Tiếng Anh-An | Thể dục-Vân | Công nghệ-Lý | Hóa chuyên-Phượng-Nguyên-Linh | Công nghệ-Mai | Địa Lí-Hằng | Thể dục-Quyên | Vật lý-Phúc | Toán Pháp-Minh | Toán 2-Hạnh | Ngữ văn-H.Hạnh | Thể dục-Thal | Hóa học-Hương | Tin học-Hà |
| | | 3 | Sinh học-Tuyết | Ngữ văn-H.Hạnh | Hóa học-Lương | Công nghệ-Mai | Toán-Tùng | Văn chuyên 2-Thanh | Tin học-Hà | Anh chuyên 2-(Thư+Sương+Ly) | Toán Pháp-Minh | Toán 2-Hạnh | Hóa học-Linh | Hóa học-Chiến | Hóa học-Hương | Ngữ văn-Ái |
| | | 4 | Toán-Minh | Hóa học-Oanh | Hóa học-Lương | Lịch Sử-Hiền | Sinh chuyên 2-Hoài | Văn chuyên 2-Thanh | Tin học-Hà | Anh chuyên 2-(Thư+Sương+Ly) | Pháp chuyên 1-Phủ | Ngữ văn-P.Hà | GDCD-Thắng | Hóa học-Chiến | Ngữ văn-H.Hạnh | Công nghệ-Di |
| | | 5 | Toán-Minh | | Ngữ văn-P.Hà | Địa Lí-Thúy | Sinh chuyên 2-Hoài | Ngữ văn-T.Quỳnh | Sinh học-Lý | Anh chuyên 2-(Thư+Sương+Ly) | Pháp chuyên 1-Phủ | Lịch Sử-Hiền | Tin-TA | GDCD-Thắng | Ngữ văn-H.Hạnh | |
| | C | 1 | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 2 | Toán T.Anh | Tin T.Anh | Lý T.Anh | Hóa T.Anh | Sinh T.Anh | BDĐT | BDĐT | BDĐT | GDCD-Trí | | Tin học-Hà | | | Sinh học-Chi-Thảo |
| | | 3 | BDĐT | BDĐT | BDĐT | BDĐT | BDĐT | BDĐT | BDĐT | BDĐT | BDĐT | | Tin học-Hà | | | Sinh học-Chi-Thảo |
| | | 4 | BDĐT | BDĐT | BDĐT | BDĐT | BDĐT | BDĐT | BDĐT | BDĐT | BDĐT | | | | Thể dục-Thal | Sinh-TA |
| | | 5 | BDĐT | BDĐT | BDĐT | BDĐT | BDĐT | | | | BDĐT | | | | Thể dục-Thal | |
| 4 | S | 1 | Tin học-Hà | Địa Lí-Nhơn | GDCD-Trí | Ngữ văn-H.Hạnh | Tiếng Anh-Viên | Thể dục-Vân | Sinh học-Lý | Hóa học-Linh | Toán-Quyên | Ngữ văn-P.Hà | Toán-Điểm | Lịch Sử-Thúy | Hóa chuyên-Chiến-Hương-Huy-Lương | Thể dục-Thal |
| | | 2 | Tin học-Hà | Ngữ văn-H.Hạnh | Toán-Quyên | Tiếng Anh-Sương | Tiếng Anh-Viên | Thể dục-Vân | Tiếng Anh-Trinh | Hóa học-Linh | Sinh học-Lý | Công nghệ-Thái | Toán-Điểm | Ngữ văn-N.Quỳnh | Hóa chuyên-Chiến-Hương-Huy-Lương | Thể dục-Thal |
| | | 3 | Sinh học-Tuyết | Ngữ văn-H.Hạnh | Ngữ văn-P.Hà | Tiếng Anh-Sương | Vật lý-Văn | Tin học-Hà | Sử Địa chuyên-Hằng-Nhơn-Chánh-Thanh | Công nghệ-Mai | Sinh học-Lý | Toán chuyên 2-Ngân | Tiếng Anh-An | Toán-Điểm | Toán-Tính | Tiếng Anh-Nhung |
| | | 4 | Vật lý-Phúc | Công nghệ-Mai | Ngữ văn-P.Hà | Vật lý-Văn | Lịch Sử-Hiền | Tin học-Hà | Sử Địa chuyên-Hằng-Nhơn-Chánh-Thanh | GDCD-Trí | Công nghệ-Lý | Toán chuyên 2-Ngân | Hóa học-Linh | Công nghệ-Thái | Toán-Tính | Sinh chuyên 2-Chi |
| | | 5 | Vật lý-Phúc | | Công nghệ-Lý | | | | Sử Địa chuyên-Hằng-Nhơn-Chánh-Thanh | Ngữ văn-P.Hà | Vật lý-Văn | | Công nghệ-Thái | | Ngữ văn-H.Hạnh | Sinh chuyên 2-Chi |
| | C | 1 | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 2 | Toán chuyên 3-Uyên | | | Sinh học-Tuyết | | Sinh học-Mai | | Tiếng Anh-Hường | Tiếng Pháp-Lan | Toán-TA | | Lý-TA | | |
| | | 3 | Toán chuyên 3-Uyên | | | Sinh học-Tuyết | | Sinh học-Mai | | Tiếng Anh-Hường | Tiếng Pháp-Lan | Toán-Thùy | | Vật lý-Khánh | | |
| | | 4 | Thể dục-Quyên | | | | Thể dục-Thal | Toán-Ngân | | | Ngoại ngữ 2-Huyền | Toán-Thùy | | Vật lý-Khánh | NN2 Pháp - Tú - P.11C2 | |
| | | 5 | Thể dục-Quyên | | | | Thể dục-Thal | Toán-Ngân | | | Ngoại ngữ 2-Huyền | | | | NN2 Pháp - Tú - P.11C2 | |
| 5 | S | 1 | Toán 2-Uyên | Vật lý-Lương | Thể dục-Vân | Thể dục-Quyên | Ngữ văn-Phương | Văn chuyên 1-N.Hà | Tiếng Anh-Trinh | Thể dục-Thal | Tin học-Hà | Hóa học-Yến | Vật lý-Sái | Tiếng Anh-An | Tiếng Anh-Hồng | Vật lý-Dũng |
| | | 2 | Toán 2-Uyên | Vật lý-Lương | Thể dục-Vân | Thể dục-Quyên | Ngữ văn-Phương | Văn chuyên 1-N.Hà | Công nghệ-Lý | Thể dục-Thal | Tin học-Hà | Toán chuyên 1-Hạnh | Vật lý-Sái | Tiếng Anh-An | Tiếng Anh-Hồng | Vật lý-Dũng |
| | | 3 | Hóa học-Huy | Lịch Sử-Hiền | Toán-Quyên | Hóa chuyên-Phượng-Nguyên-Linh | GDCD-Trí | Toán-Ngân | Ngữ văn-H.Hạnh | Ngữ văn-P.Hà | Hóa học-Oanh | Toán chuyên 1-Hạnh | Địa Lí-Chánh | Ngữ văn-N.Quỳnh | Vật lý-Nhẫn | Ngữ văn-Ái |
| | | 4 | Địa Lí-Nhơn | Sinh học-Mai | Toán-Quyên | Hóa chuyên-Phượng-Nguyên-Linh | Tin học-Hà | Lịch Sử-Hiền | Vật lý-Lương | Ngữ văn-P.Hà | Hóa học-Oanh | Tiếng Anh-Sương | Ngữ văn-H.Hạnh | Toán-Điểm | Vật lý-Nhẫn | Hóa học-Huy |
| | | 5 | Công nghệ-Lý | Địa Lí-Nhơn | | Tiếng Anh-Sương | Tin học-Hà | Công nghệ-Mai | Vật lý-Lương | Lịch Sử-Hiền | Ngữ văn-Phương | GDCD-Thắng | Sinh học-Thảo | Toán-Điểm | Hóa-TA | Địa Lí-Chánh |
| | C | 1 | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 2 | | NN2 Pháp - Tú - P.10A4 | Vật lý-Phúc | NN2 Pháp - Tú - P.10A4 | | | | | Lý Pháp-Sái | Pháp(P.11A1), Hoa(P.11A5) | | NN2 Hoa - Tâm-P.11A5 | NN2 Hoa - Tâm-P.11A5 | Pháp(P.11A1), Hoa(P.11A5) |
| | | 3 | | NN2 Pháp - Tú - P.10A4 | Vật lý-Phúc | NN2 Pháp - Tú - P.10A4 | | | | | Lý Pháp-Sái | Pháp(P.11A1), Hoa(P.11A5) | | NN2 Hoa - Tâm-P.11A5 | NN2 Hoa - Tâm-P.11A5 | Pháp(P.11A1), Hoa(P.11A5) |
| | | 4 | NN2 Hoa - Tâm-P.10A5 | NN2 Hoa - Tâm-P.10A5 | Pháp(P.10A3), Hoa(P.10A5) | NN2 Hoa - Tâm-P.10A5 | NN2 Hoa - Tâm-P.10A5 | NN2 Hoa - Tâm-P.10A5 | Pháp(P.10A3), Hoa(P.10A5) | | Pháp chuyên 2-Diễm | Thể dục-Vân | | NN2 Pháp - Tuyền - P.11A3 | | |
| | | 5 | NN2 Hoa - Tâm-P.10A5 | NN2 Hoa - Tâm-P.10A5 | Pháp(P.10A3), Hoa(P.10A5) | NN2 Hoa - Tâm-P.10A5 | NN2 Hoa - Tâm-P.10A5 | NN2 Hoa - Tâm-P.10A5 | Pháp(P.10A3), Hoa(P.10A5) | | Pháp chuyên 2-Diễm | Thể dục-Vân | | NN2 Pháp - Tuyền - P.11A3 | | |
| 6 | S | 1 | Công nghệ-Lý | Toán-Ngân | Tiếng Anh-Ly | Tin học-Hà | Ngữ văn-Phương | Hóa học-Phượng | Địa Lí-Hằng | Anh chuyên 1-Châu | Tiếng Pháp-Lan | Địa Lí-Chánh | Thể dục-Thal | Lý chuyên 1-Khánh | Hóa chuyên-Chiến-Hương-Huy-Lương | Sinh chuyên 1-Anh |
| | | 2 | Địa Lí-Nhơn | Toán-Ngân | Tiếng Anh-Ly | Tin học-Hà | Địa Lí-Thúy | Địa Lí-Hằng | Công nghệ-Lý | Anh chuyên 1-Châu | Tiếng Pháp-Lan | Vật lý-Dũng | Thể dục-Thal | Lý chuyên 1-Khánh | Hóa chuyên-Chiến-Hương-Huy-Lương | Sinh chuyên 1-Anh |
| | | 3 | Toán chuyên 2-Minh | Tin học-Châu | Tin học-Hà | Địa Lí-Thúy | Sinh học-Anh-Hoài | Văn chuyên 3-Tú | Hóa học-Huy | Anh chuyên 1-Châu | Vật lý-Văn | Vật lý-Dũng | Ngữ văn-H.Hạnh | Ngữ văn-N.Quỳnh | Toán-Tính | Ngữ văn-Ái |
| | | 4 | Toán chuyên 2-Minh | Tin học-Châu | Tin học-Hà | Hóa học-Phượng | Sinh học-Anh-Hoài | Văn chuyên 3-Tú | Ngữ văn-H.Hạnh | Địa Lí-Hằng | Địa Lí-Nhơn | Tiếng Anh-Sương | Tiếng Anh-An | Ngữ văn-N.Quỳnh | Toán-Tính | Ngữ văn-Ái |
| | | 5 | Ngữ văn-Tú | | Địa Lí-Thúy | Hóa học-Phượng | Tiếng Anh-Viên | GDCD-Trí | Ngữ văn-H.Hạnh | | Địa Lí-Nhơn | Tiếng Anh-Sương | Tiếng Anh-An | Toán-Điểm | Tiếng Anh-Hồng | Lịch Sử-Lan |
| | C | 1 | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 2 | NN2 Pháp - Tuyền - P.10A1 | Tin chuyên-Khải | | | NN2 Pháp - Tuyền - P.10A1 | NN2 Pháp - Tuyền - P.10A1 | | Toán-Tâm | Ngữ văn-Phương | | | | | |
| | | 3 | NN2 Pháp - Tuyền - P.10A1 | Tin chuyên-Khải | | | NN2 Pháp - Tuyền - P.10A1 | NN2 Pháp - Tuyền - P.10A1 | | Toán-Tâm | Ngữ văn-Phương | | | | | |
| | | 4 | | Tin chuyên-Khải | | | | | | Ngoại ngữ 2-Tuyền | Thể dục-Quyên | | | | | |
| | | 5 | | | | | | | | Ngoại ngữ 2-Tuyền | Thể dục-Quyên | | | | | |
| 7 | S | 1 | Ngữ văn-Tú | GDCD-Trí | Lý chuyên-Cớm | Công nghệ-Mai | Hóa học-Linh | Ngữ văn-T.Quỳnh | Tiếng Anh-Trinh | Địa Lí-Hằng | Tiếng Pháp-Lan | Sinh học-Chi | Tin chuyên-Phú | Tiếng Anh-An | Công nghệ-Thái | Công nghệ-Di |
| | | 2 | Ngữ văn-Tú | Sinh học-Mai | Lý chuyên-Cớm | GDCD-Trí | Hóa học-Linh | Ngữ văn-T.Quỳnh | Địa Lí-Hằng | Vật lý-Phúc | Tiếng Pháp-Lan | Công nghệ-Thái | Tin chuyên-Phú | Địa Lí-Phú | Lịch Sử-Hiền | GDCD-Thắng |
| | | 3 | Lịch Sử-Hiền | Toán-Ngân | Sinh học-Hoài | Vật lý-Văn | Sinh chuyên 1-Tuyết | Tiếng Anh-Ly | Toán-Ngọc | Toán-Tâm | Tiếng Pháp-Lan | Toán chuyên 3-Uyên | Tin chuyên-Phú | Sinh học-Thảo | Địa Lí-Phú | Toán-Kiệt |
| | | 4 | Tiếng Anh-An | Tiếng Anh-Sương | Tiếng Anh-Ly | Toán-Tâm | Sinh chuyên 1-Tuyết | Vật lý-Phúc | GDCD-Trí | Công nghệ-Mai | Lịch Sử-Hiền | Toán chuyên 3-Uyên | Lịch Sử-Lan | Tin học-Châu | GDCD-Thắng | Toán-Kiệt |
| | | 5 | SHL-Tú | SHL-Khải | SHL-Thủy | SHL-Phượng | SHL-Thúy | SHL-T.Quỳnh | SHL-Trinh | SHL-Hường | SHL-Lan | SHL-Chi | SHL-Linh | SHL-N.Quỳnh | SHL-Phú | SHL-Ái |
| | C | 1 | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 2 | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 3 | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 4 | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 5 | | | | | | | | | | | | | | |

# THỜI KHÓA BIỂU LẦN 3 NĂM HỌC 2016-2017 ÁP DỤNG NGÀY 17/10/2016

| Thứ | Buổi | Tiết | 11C1 | 11C2 | 11D | 11P | 12A1 | 12A2 | 12A3 | 12A4 | 12A5 | 12C1 | 12C2 | 12D | 12P |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | S | 1 | Chào cờ-Hạnh | Chào cờ-Phương | Chào cờ-N.Hạnh | Chào cờ-Hảo | Chào cờ-Ngọc | Chào cờ-Phú | Chào cờ-Văn | Chào cờ-Cớm | Chào cờ-Hoài | Chào cờ-Hằng | Chào cờ-Sa | Chào cờ-T.Thanh | Chào cờ-Phú |
| | | 2 | Sinh học-Tú | Ngữ văn-Phương | Ngữ văn-N.Hạnh | Ngữ văn-Ái | Tiếng Anh-Nhung | Tin học-Phú | Lịch Sử-Thủy | Vật lý-Cớm | Tiếng Anh-T.Thanh | Lịch Sử-Sa | Sinh học-Chi | Ngữ văn-T.Quỳnh | Tin học-Phú |
| | | 3 | Toán-Hạnh | Sinh học-Tuyết | Ngoại ngữ 2-Tuyền | Sinh học-Tú | Tiếng Anh-Nhung | Tin học-Phú | Tiếng Anh-Hường | Vật lý-Cớm | Tiếng Anh-T.Thanh | Hóa học-Hương | Toán-Kiệt | Ngữ văn-T.Quỳnh | Tin học-Phú |
| | | 4 | Toán-Hạnh | Công nghệ-Di | Ngoại ngữ 2-Tuyền | GDCD-Thắng | Lịch Sử-Sa | Sinh học-Chi | Tiếng Anh-Hường | Tin học-Phú | Lịch Sử-Thủy | Sinh học-Tú | Toán-Kiệt | Tiếng Anh-T.Thanh | Sinh học-Chi |
| | | 5 | Sinh học-Tú | Địa Lí-Phú | Sinh học-Tuyết | Toán-Kiệt | GDCD-Thắng | Sinh học-Chi | Hóa học-Hương | Tin học-Phú | Công nghệ-Di | | Hóa học-Oanh | Tiếng Anh-T.Thanh | Sinh học-Chi |
| | C | 1 | | | | | | | | | | | | | |
| | | 2 | | | | | | | | | | | | | |
| | | 3 | | | | | | | | | | | | | |
| | | 4 | | | | | | | | | | | | | |
| | | 5 | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | S | 1 | GDCD-Thắng | Toán-Thùy | Sinh học-Tuyết | Ngữ văn-Ái | Tin học-Khải | Ngữ văn-N.Hạnh | Công nghệ-Di | Hóa học-Lương | Toán-Tâm | Ngữ văn-Thanh | Thể dục-Sáu | Lịch Sử-Lan | Ngữ văn-N.Hạnh |
| | | 2 | Lịch Sử-Lan | Toán-Thùy | GDCD-Thắng | Công nghệ-Di | Tin học-Khải | Ngữ văn-N.Hạnh | Lịch Sử-Thủy | Hóa học-Lương | Toán-Tâm | Ngữ văn-Thanh | Thể dục-Sáu | Sinh học-Anh | Ngữ văn-N.Hạnh |
| | | 3 | Công nghệ-Di | Sử Địa chuyên-Hạnh-Hằng-Phú-Lan-Thủy | Toán-Ngân | Toán-Kiệt | Sinh học-Chi | Vật lý-Lương | Ngữ văn-Hồng | Tiếng Anh-Nhung | Hóa học-Yến | GDCD-Thắng | Vật lý-Phúc | Ngữ văn-T.Quỳnh | Vật lý-Lương |
| | | 4 | Ngữ văn-Khải | Sử Địa chuyên-Hạnh-Hằng-Phú-Lan-Thủy | Toán-Ngân | Hóa học-Yến | Sinh học-Chi | Tin học-Khải | Ngữ văn-Hồng | Tiếng Anh-Nhung | Địa Lí-Thúy | Toán-Tâm | Toán-Kiệt | Ngữ văn-T.Quỳnh | Ngoại ngữ 2-N.Thanh |
| | | 5 | Ngữ văn-Khải | Sử Địa chuyên-Hạnh-Hằng-Phú-Lan-Thủy | Công nghệ-Di | Hóa học-Yến | Hóa học-Oanh | Tin học-Khải | | | | Toán-Tâm | Toán-Kiệt | | Ngoại ngữ 2-N.Thanh |
| | C | 1 | | | | | | | | | | | | | |
| | | 2 | | | | Ngoại ngữ 2-Ly | | | | | | | | | |
| | | 3 | | | | Ngoại ngữ 2-Ly | | | | | | | | | |
| | | 4 | | | | Tin học-Hà | | | | | | | | | |
| | | 5 | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | S | 1 | Tiếng Anh-Hồng | Tiếng Anh-An | Ngữ văn-N.Hạnh | Tiếng Pháp-Hảo | Thể dục-Quyên | Tiếng Anh-Thư | Vật lý-Văn | Thể dục-Hạnh | Lịch Sử-Thủy | Tiếng Anh-Hường | Công nghệ-Thái | Địa Lí-Hạnh | Tiếng Pháp-Tú |
| | | 2 | Tiếng Anh-Hồng | Tiếng Anh-An | Ngữ văn-N.Hạnh | Tiếng Pháp-Hảo | Thể dục-Quyên | Tiếng Anh-Thư | Vật lý-Văn | Thể dục-Hạnh | Tin học-Khải | Tiếng Anh-Hường | Ngữ văn-Tú | Tiếng Anh-T.Thanh | Tiếng Pháp-Tú |
| | | 3 | Hóa học-Linh | Hóa học-Hương | Anh chuyên 2-(Châu+Trinh+Viê | Tiếng Pháp-Hảo | Ngữ văn-N.Quỳnh | GDCD-Trí | Toán-Kiệt | Địa Lí-Hạnh | Tin học-Khải | Công nghệ-Thái | Ngữ văn-Tú | Tiếng Anh-T.Thanh | GDCD-Trí |
| | | 4 | Toán-Hạnh | Sinh học-Tuyết | Anh chuyên 2-(Châu+Trinh+Viê | Toán Pháp-Minh | Ngữ văn-N.Quỳnh | Hóa học-Lương | Toán-Kiệt | Tiếng Anh-Nhung | Ngữ văn-Khải | Toán-Tâm | Tiếng Anh-Thư | Tin học-Khải | Hóa học-Lương |
| | | 5 | Toán-Hạnh | Lịch Sử-Hiền | Anh chuyên 2-(Châu+Trinh+Viê | Toán Pháp-Minh | | Hóa học-Lương | GDCD-Trí | Tiếng Anh-Nhung | Ngữ văn-Khải | Toán-Tâm | Tiếng Anh-Thư | Tin học-Khải | Hóa học-Lương |
| | C | 1 | | | | | | | | | | | | | |
| | | 2 | Ngữ văn-Khải | | | Pháp chuyên 1-Phú | | | | | | | | | |
| | | 3 | Văn chuyên 1-P.Hà | | | Pháp chuyên 1-Phú | | | | | | | | | |
| | | 4 | Văn chuyên 1-P.Hà | NN2 Pháp - Tú - P.11C2 | Thể dục-Vân | Pháp chuyên 2-Lan | | Thể dục-Vuông | | | | | | | Thể dục-Vuông |
| | | 5 | | NN2 Pháp - Tú - P.11C2 | Thể dục-Vân | Pháp chuyên 2-Lan | | Thể dục-Vuông | | | | | | | Thể dục-Vuông |
| 5 | S | 1 | Văn chuyên 3-N.Quỳnh | Vật lý-Nhẫn | Toán-Ngân | Tiếng Pháp-Hảo | Toán-Ngọc | Lịch Sử-Lan | Thể dục-Vuông | Ngữ văn-Ái | Ngữ văn-Khải | Sinh học-Tú | Ngữ văn-Tú | Toán-Điểm | Lịch Sử-Lan |
| | | 2 | Văn chuyên 3-N.Quỳnh | Vật lý-Nhẫn | Lịch Sử-Hiền | Tiếng Pháp-Hảo | Toán-Ngọc | Toán-Thùy | Thể dục-Vuông | Ngữ văn-Ái | Ngữ văn-Khải | Tin học-Phú | Ngữ văn-Tú | Toán-Điểm | Toán-Thùy |
| | | 3 | Công nghệ-Di | Tin học-Hà | Vật lý-Dũng | Lịch Sử-Lan | Vật lý-Khánh | Toán-Thùy | Sinh học-Thảo | Sinh học-Tú | Hóa học-Yến | Tin học-Phú | GDCD-Thắng | Vật lý-Sái | Toán-Thùy |
| | | 4 | Tiếng Anh-Hồng | Công nghệ-Di | Vật lý-Dũng | Địa Lí-Chánh | Ngữ văn-N.Quỳnh | Tiếng Anh-Thư | Tin học-Phú | Lịch Sử-Lan | Sinh học-Tú-Hoài | Ngữ văn-Thanh | Lịch Sử-Sa | GDCD-Thắng | Tiếng Pháp-Tú |
| | | 5 | Vật lý-Dũng | Toán-Thùy | Công nghệ-Di | Vật lý-Khánh | Ngữ văn-N.Quỳnh | Tiếng Anh-Thư | Tin học-Phú | GDCD-Trí | Sinh học-Tú-Hoài | Ngữ văn-Thanh | Lịch Sử-Sa | Lịch Sử-Lan | Tiếng Pháp-Tú |
| | C | 1 | | | | | | | | | | | | | |
| | | 2 | NN2 Hoa - Tâm-P.11A5 | NN2 Hoa - Tâm-P.11A5 | Tiếng Anh-Nhung | Pháp chuyên 3-Diễm | | | | | | | | | |
| | | 3 | NN2 Hoa - Tâm-P.11A5 | NN2 Hoa - Tâm-P.11A5 | Tiếng Anh-Nhung | Pháp chuyên 3-Diễm | | | | | | | | | |
| | | 4 | NN2 Pháp - Tuyền - P.11A3 | | Tiếng Anh-Nhung | Lý Pháp-Sái | | | | | | | | | |
| | | 5 | NN2 Pháp - Tuyền - P.11A3 | | | Lý Pháp-Sái | | | | | | | | | |
| 6 | S | 1 | Vật lý-Dũng | Thể dục-Vân | Anh chuyên 1-Hồng | Ngữ văn-Ái | Địa Lí-Thúy | Ngữ văn-N.Hạnh | Toán-Kiệt | Toán-Điểm | Thể dục-Sáu | Thể dục-Hạnh | Tiếng Anh-Thư | Vật lý-Sái | Ngữ văn-N.Hạnh |
| | | 2 | Văn chuyên 2-Khải | Thể dục-Vân | Anh chuyên 1-Hồng | Ngữ văn-Ái | Tiếng Anh-Nhung | Ngữ văn-N.Hạnh | Toán-Kiệt | Toán-Điểm | Thể dục-Sáu | Thể dục-Hạnh | Tiếng Anh-Thư | Hóa học-Phượng | Ngữ văn-N.Hạnh |
| | | 3 | Văn chuyên 2-Khải | Hóa học-Hương | Anh chuyên 1-Hồng | Toán-Kiệt | Tiếng Anh-Nhung | Địa Lí-Chánh | Địa Lí-Hằng | Lịch Sử-Lan | Toán-Tâm | Tiếng Anh-Hường | Vật lý-Phúc | Toán-Điểm | Địa Lí-Chánh |
| | | 4 | Địa Lí-Chánh | Ngữ văn-Phương | Hóa học-Huy | Toán-Kiệt | Toán-Ngọc | Công nghệ-Di | Ngữ văn-Hồng | Sinh học-Tú | GDCD-Trí | Tiếng Anh-Hường | Địa Lí-Hạnh | Toán-Điểm | Công nghệ-Di |
| | | 5 | Tin học-Châu | Ngữ văn-Phương | Hóa học-Huy | Sinh học-Tú | Toán-Ngọc | | Ngữ văn-Hồng | Công nghệ-Di | Toán-Tâm | Vật lý-Phúc | Địa Lí-Hạnh | Sinh học-Anh | |
| | C | 1 | | | | | | | | | | | | | |
| | | 2 | | | | | | Lý Pháp-Sái | | Ngoại ngữ 2-Tâm | | | | | Lý Pháp-Sái |
| | | 3 | | | | | | Lý Pháp-Sái | | Ngoại ngữ 2-Tâm | | | | | Lý Pháp-Sái |
| | | 4 | | | | Thể dục-Thal | Pháp(P.12D), Hoa (P.12A5) | Toán Pháp-Minh | NN2 Pháp - Tú - P.12D | | NN2 Pháp - Tú - P.12D | | Pháp(P.12D), Hoa (P.12A5) | NN2 Pháp - Tú - P.12D | Toán Pháp-Minh |
| | | 5 | | | | Thể dục-Thal | Pháp(P.12D), Hoa (P.12A5) | Toán Pháp-Minh | NN2 Pháp - Tú - P.12D | | NN2 Pháp - Tú - P.12D | | Pháp(P.12D), Hoa (P.12A5) | NN2 Pháp - Tú - P.12D | Toán Pháp-Minh |
| 7 | S | 1 | Thể dục-Vân | GDCD-Thắng | Địa Lí-Phú | Tiếng Pháp-Hảo | Lịch Sử-Sa | Toán-Thùy | Tiếng Anh-Hường | Ngữ văn-Ái | Tiếng Anh-T.Thanh | Vật lý-Phúc | Tin học-Khải | Thể dục-Quyên | Toán-Thùy |
| | | 2 | Thể dục-Vân | Ngữ văn-Phương | Ngữ văn-N.Hạnh | Tiếng Pháp-Hảo | Công nghệ-Di | Toán-Thùy | Tiếng Anh-Hường | Ngữ văn-Ái | Tiếng Anh-T.Thanh | Lịch Sử-Sa | Tin học-Khải | Thể dục-Quyên | Toán-Thùy |
| | | 3 | Hóa học-Linh | Tiếng Anh-An | Tin học-Châu | Vật lý-Khánh | Hóa học-Oanh | Lịch Sử-Lan | Hóa học-Hương | Toán-Điểm | Vật lý-Dũng | Địa Lí-Hằng | Sinh học-Chi | Hóa học-Phượng | Lịch Sử-Lan |
| | | 4 | Ngữ văn-Khải | Toán-Thùy | Toán-Ngân | Công nghệ-Di | Vật lý-Khánh | Vật lý-Lương | Sinh học-Thảo | Toán-Điểm | Vật lý-Dũng | Hóa học-Hương | Hóa học-Oanh | Công nghệ-Thái | Vật lý-Lương |
| | | 5 | SHL-Hạnh | SHL-Phương | SHL-N.Hạnh | SHL-Hảo | SHL-Ngọc | SHL-Phú | SHL-Văn | SHL-Cớm | SHL-Hoài | SHL-Hằng | SHL-Sa | SHL-T.Thanh | SHL-Phú |
| | C | 1 | | | | | | | | | | | | | |
| | | 2 | | | | | | | | | | | | | |
| | | 3 | | | | | | | | | | | | | |
| | | 4 | | | | | | | | | | | | | |
| | | 5 | | | | | | | | | | | | | |